



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 76

Ngày 01 tháng 9 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 18-7-2018- | Quyết định số 2989/QĐ-UBND ban hành Quy chế về công tác trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 2 |
| 31-7-2018- | Quyết định số 3150/QĐ-UBND về việc công bố nhóm thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND. | 26 |

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2989/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2018***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về công tác trực phòng, chống thiên tai
và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 31/2017/TT-BNTPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 59/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và

khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố tại Tờ trình số 74/TTr-PCTT ngày 02 tháng 5 năm 2018; Tờ trình số 97/TTr-PCTT ngày 13 tháng 6 năm 2018; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4884/STP-VB ngày 29 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, bãi bỏ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định công tác trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về công tác trực phòng, chống thiên tai
và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng, thời gian trực

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định công tác trực ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn Thành phố của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; các sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn có sử dụng hoặc huy động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là người lao động) làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Thời gian trực

a) Đối với công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: tổ chức trực theo chế độ 24/24 giờ (từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm).

b) Đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân: trực theo chế độ quy định của đơn vị.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là công việc phải thường trực 24/24 giờ để bảo vệ tính mạng con người,

tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Tìm kiếm là việc sử dụng nhân lực; trang, thiết bị để xác định vị trí của người, phương tiện bị nạn.

4. Cứu nạn là các hoạt động cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng của họ, bao gồm cả tư vấn biện pháp y tế ban đầu, các biện pháp khác để đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

Điều 3. Thành phần trực

1. Trực lãnh đạo

Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn sở, ban, ngành, đơn vị Thành phố và quận - huyện, phường - xã - thị trấn.

2. Trực chuyên viên:

Gồm chuyên viên các Sở, ngành, quận, huyện; thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành.

3. Số lượng và nhân sự tham gia trực do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành quyết định, tổ chức phân công, giao nhiệm vụ cụ thể bằng văn bản kèm theo thông tin cần thiết và thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên trực tiếp và cấp dưới trực thuộc biết để liên hệ. Việc bố trí nhân sự trực phải sắp xếp khoa học, hiệu quả và phải đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị.

4. Khi xảy ra sự cố, thiên tai, tai nạn, thảm họa các Sở, ngành, đơn vị thành phố, quận - huyện, phường - xã - thị trấn phải bố trí đủ thành phần, lực lượng trực để đảm bảo xử lý công việc.

Điều 4. Nhiệm vụ chung

1. Tham mưu Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành theo dõi, nắm chắc mọi tình hình liên quan đến thiên tai, tai nạn, thảm họa; các công trình phòng, chống thiên tai; tình hình tổ chức lực lượng và huy động nguồn lực để kịp thời ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (bao gồm nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị và các cơ sở vật chất kỹ thuật...) nhằm hạn chế thấp nhất

thiệt hại về tính mạng và tài sản do thiên tai, tai nạn, thảm họa gây ra.

2. Đảm bảo truyền đạt thông tin kịp thời trong quá trình chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, xử lý trong mọi tình huống khi có thiên tai, tai nạn, thảm họa xảy ra. Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, thông báo, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên trực tiếp để truyền đạt kịp thời đến Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp dưới, các đơn vị trực thuộc, phường - xã - thị trấn, các tổ chức kinh tế - xã hội, đoàn thể và nhân dân để tổ chức thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo các kế hoạch, phương án đã được phê duyệt. Tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp trong việc tổ chức phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thuộc địa phương, đơn vị quản lý; xử lý các sự cố công trình phòng, chống thiên tai; tổ chức điều động các lực lượng, phương tiện để chi viện các địa phương, đơn vị khác.

3. Đảm bảo thông tin, liên lạc, chỉ huy thông suốt trong mọi tình huống từ Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Sở, ban, ngành đến quận - huyện, phường - xã - thị trấn.

4. Tổng hợp, báo cáo kịp thời kết quả thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống, huy động lực lượng, phương tiện ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại đơn vị, địa phương mình; nếu vượt thẩm quyền hoặc khả năng giải quyết phải báo cáo ngay cho cơ quan cấp trên để chỉ đạo xử lý kịp thời.

Điều 5. Chế độ thông tin báo cáo

a) Trường hợp thông thường:

Gửi văn bản, công điện qua đường chuyên phát của ngành Bưu chính - Viễn thông; thư điện tử, fax, đưa tin lên trang thông tin điện tử (web) của cơ quan, đơn vị mình; trang web của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

b) Trường hợp khẩn cấp:

- Báo cáo bằng điện thoại, sau đó gửi văn bản, công điện qua đường chuyên phát của ngành Bưu chính - Viễn thông.

- Nhắn tin qua điện thoại di động, đưa tin lên trang thông tin điện tử (web) của cơ quan, đơn vị mình; trang web của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; thông qua các cơ quan thông tin đại chúng gồm: Đài Truyền hình

thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, các cơ quan thông tấn - báo chí; hệ thống thông tin công cộng tại địa phương.

Chương II

THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Điều 6. Thời giờ làm việc

1. Thời giờ làm việc của người lao động làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn không quá 08 giờ trong một ngày và 40 giờ trong một tuần.

2. Thời giờ làm việc ngoài thời gian quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này được tính là thời gian làm thêm giờ.

3. Số giờ làm thêm của người lao động không quá 04 giờ trong một ngày và tổng số giờ làm thêm không vượt quá 300 giờ trong một năm.

Điều 7. Nghỉ bù trực

1. Người lao động thực hiện chế độ thường trực 24/24 giờ được nghỉ và được hưởng nguyên lương như sau:

a) Thường trực vào ngày thường: được nghỉ bù một ngày vào ngày làm việc sau phiên thường trực.

b) Thường trực vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, tết được nghỉ bù hai ngày vào ngày làm việc sau phiên thường trực.

2. Trường hợp do yêu cầu công việc trong lĩnh vực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn mà không thể bố trí nghỉ bù, thủ trưởng đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phải trả tiền lương làm thêm giờ (số giờ này không nằm trong thời gian 04 giờ làm thêm trong 01 ngày được nêu tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này) tương ứng với số giờ vượt quá thời gian làm việc trong chế độ thường trực:

a) Vào ngày thường: số giờ làm thêm tương ứng là 12 giờ.

b) Vào ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ, tết: số giờ làm thêm tương ứng là 24 giờ.

3. Số thời gian không nghỉ bù và được trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy chế này không tính vào quỹ

thời gian làm thêm giờ trong năm (không tính vào 300 giờ làm thêm trong năm).

Điều 8. Thời giờ nghỉ ngơi

1. Khi thực hiện chế độ thường trực 24/24 giờ tại Văn phòng, người tham gia thường trực được nghỉ giải lao tối thiểu 45 phút vào ban ngày và 60 phút vào ban đêm tính vào thời giờ thường trực. Trong thời gian nghỉ giải lao, người lao động không được rời khỏi nơi thường trực.

2. Cơ quan, tổ chức phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn sử dụng hoặc huy động người lao động thực hiện chế độ thường trực 24/24 giờ phải bố trí nơi ăn, nghỉ theo chế độ và quy định hiện hành cho người lao động.

Điều 9. Nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết

1. Người lao động làm công việc có tính chất đặc biệt trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết và những ngày nghỉ được hưởng lương khác theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật Lao động.

2. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt trong lĩnh vực phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn không thể bố trí nghỉ hàng tuần, thủ trưởng đơn vị hoặc người đứng đầu cơ quan phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm bảo đảm cho người lao động được nghỉ tính bình quân một tháng ít nhất bốn ngày.

Điều 10. Thời giờ làm việc; nghỉ bù trực; thời giờ nghỉ ngơi; nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Quy chế này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân bao gồm Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Dân quân tự vệ và người lao động không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC TRỰC TRONG TÌNH HUỐNG CỤ THỂ

Mục 1

TÌNH HUỐNG BẢO, ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI, THỜI TIẾT NGUY HIỂM

Điều 11. Công tác trực trước khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Thường xuyên cập nhật tin tức, theo dõi, nắm chắc mọi tình hình có liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm như diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng và phân tích, dự kiến các tình huống xấu nhất có thể xảy ra thông qua bản tin dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ; đồng thời, tham khảo thêm dự báo của các cơ quan khí tượng thủy văn quốc tế.

b) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và các Bộ, ngành Trung ương để triển khai thực hiện và phổ biến kịp thời các công điện, chỉ thị, mệnh lệnh, văn bản chỉ đạo đó đến các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố và quận - huyện.

c) Ban hành các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản... để triển khai công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm đến các sở, ban, ngành, đơn vị, quận - huyện. Đặc biệt, kể từ thời điểm có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ phải thường xuyên liên hệ để nắm tình hình tổ chức, thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó tại các địa phương, đơn vị; xác định các khu vực xung yếu để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tập trung huy động lực lượng, phương tiện, vật tư chi viện cho quận - huyện, phường - xã - thị trấn thực hiện việc phòng, tránh, ứng phó và tổ chức sơ tán, di dời dân kịp thời, an toàn. Cụ thể như sau:

- Khi nhận tin thời tiết nguy hiểm, tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông và các tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin bão trên biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ, tin bão khẩn cấp nằm trong khu vực dưới 06 độ vĩ Bắc (có hướng di chuyển theo hướng Nam, Nam Tây Nam, Tây Nam, Tây Tây Nam hay giữa các hướng trên) hoặc trên 15 độ vĩ Bắc (có hướng di chuyển theo hướng Bắc, Bắc Tây Bắc, Tây Bắc, Tây Tây Bắc hay giữa các hướng trên): soạn thảo công văn để cảnh báo đến các đơn vị, địa phương quản lý tàu thuyền hoạt động đánh bắt thủy sản, đặc biệt là tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin bão trên biển Đông (nằm trong khu vực từ 06 đến 15 độ vĩ Bắc): soạn thảo Công điện yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị thành phố và quận - huyện chuẩn bị phương án phòng, chống, ứng phó; đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố văn bản chỉ đạo các địa phương, đơn vị.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ, tin bão khẩn cấp (nằm

trong khu vực từ 06 đến 15 độ vĩ Bắc): soạn thảo các Công điện khẩn yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, quận - huyện triển khai phương án phòng, chống, ứng phó; đồng thời, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố công điện khẩn chỉ đạo các địa phương, đơn vị.

- Đối với tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, tin bão trên đất liền có ảnh hưởng trực tiếp đến thành phố: soạn thảo các Công điện khẩn yêu cầu các sở, ban, ngành thành phố và quận - huyện triển khai phương án khắc phục hậu quả.

d) Đối với tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm, tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông: Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố ủy quyền Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố soạn thảo, ký ban hành công văn yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, quận - huyện chuẩn bị phương án phòng, chống, ứng phó. Các trường hợp tin cảnh báo bão, áp thấp nhiệt đới khác do Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố ký ban hành công điện, công văn yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, quận - huyện triển khai phương án phòng, chống, ứng phó.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo cho Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông và tin bão trên biển Đông: báo cáo nhanh tình hình tàu thuyền 01 lần/ngày.

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ và tin bão khẩn cấp: báo cáo nhanh tình hình triển khai công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới của Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các cơ quan, đơn vị 02 lần/ngày.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức về bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm: diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng.

b) Tiếp nhận công điện, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; **trong khoảng**

thời gian không quá 15 phút, truyền đạt, phổ biến kịp thời đến Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn và các cơ quan, phòng - ban, đơn vị trực thuộc. Triển khai công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới và tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch, phương án của đơn vị, địa phương mình; chuẩn bị và triển khai kế hoạch, phương án di dời dân ngay khi có lệnh của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Thực hiện chế độ báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố tình hình triển khai, tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới của địa phương, đơn vị mình như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông và tin bão trên biển Đông: báo cáo 01 lần/ngày (trước 10 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão gần bờ và tin bão khẩn cấp: báo cáo 02 lần/ngày (trước 10 giờ và 16 giờ).

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn

a) Thường xuyên theo dõi, cập nhật tin tức về bão, áp thấp nhiệt đới, các diễn biến, vị trí, cường độ, hướng di chuyển, khu vực có khả năng bị ảnh hưởng.

b) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; **trong khoảng thời gian không quá 15 phút** phải thông báo kịp thời, rộng rãi đến các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phường - xã - thị trấn, các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn. Thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới; triển khai kế hoạch, phương án di dời dân ngay khi có lệnh của Ủy ban nhân dân quận - huyện.

c) Định kỳ báo cáo (ít nhất 01 lần/ngày) cho Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình và kết quả triển khai công tác phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới trên địa bàn quản lý.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố

a) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm tra, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người và tàu thuyền hoạt động trên địa bàn Thành phố và khu vực giáp ranh Thành phố theo Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ của đơn vị. Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Cần Giờ, Chi cục Thủy sản

triển khai thực hiện việc cấm tàu thuyền ra khơi khi có lệnh của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

b) Sẵn sàng phối hợp với Bộ Tư lệnh thành phố, Công an thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và các đơn vị, địa phương thực hiện kế hoạch sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia phòng, tránh, ứng phó khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố.

5. Bộ Tư lệnh thành phố, Công an thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố

a) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới sẵn sàng phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và các đơn vị, địa phương triển khai kế hoạch sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia phòng, tránh, ứng phó khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp vào địa bàn Thành phố.

b) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố tiếp nhận các nguồn thông tin cứu nạn, cứu hộ (qua Tổng đài 114) và phân loại, thẩm định chính xác nguồn thông tin để thông báo ngay đến các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức phối hợp triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Thủy sản:

a) Kiểm tra, nắm số lượng, vị trí tàu thuyền, thuyền viên, số đăng ký tàu thuyền và duy trì thông tin, liên lạc với các tàu thuyền. Thông báo thường xuyên cho các thuyền trưởng, chủ tàu thông tin về bão, áp thấp nhiệt đới, thời tiết nguy hiểm trên biển. Báo cáo vị trí, số lượng tàu thuyền, ngư dân ra khơi đánh bắt xa bờ và gần bờ, tàu thuyền đang trú ẩn, nằm bờ về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố như sau:

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới gần biển Đông, tin bão gần biển Đông: báo cáo 01 lần/ngày (trước 09 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới gần bờ, tin bão trên biển Đông, tin bão gần bờ: báo cáo 02 lần/ngày (trước 09 giờ và 15 giờ).

- Khi có tin áp thấp nhiệt đới trên đất liền, tin bão khẩn cấp và bão đổ bộ có ảnh hưởng trực tiếp đến Thành phố: báo cáo 03 lần/ngày (trước 09 giờ, 15 giờ và 20 giờ).

b) Tiếp nhận các công điện, chỉ thị, thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và cơ quan cấp trên; tùy theo tình hình, diễn biến thực tế của bão, áp thấp nhiệt đới tổ chức thực hiện Phương án đảm bảo an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động thủy sản trên địa bàn Thành phố.

Điều 12. Công tác trực trong khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời mọi diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới cho các địa phương, đơn vị.

b) Theo dõi, nắm chắc tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều động lực lượng, vật tư, phương tiện ứng phó và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

c) Báo cáo nhanh cho Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ, ngành liên quan việc thực hiện phương án ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện

a) Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

b) Chi cục Thủy sản phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố kiểm tra và báo cáo tình hình tàu thuyền ở nơi tránh, trú bão, áp thấp nhiệt đới cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn

Duy trì chế độ thông tin liên lạc liên tục, thường xuyên, cung cấp kịp thời tình hình ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới cho Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 13. Công tác trực sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

Khi có tin cuối cùng về bão, áp thấp nhiệt đới: nếu có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Thành phố phải tổng hợp, báo cáo công tác ứng phó, khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, tình hình thiệt hại, đề xuất, kiến nghị (nếu có) cho Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 24 giờ sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua phải tổng hợp, báo cáo tình hình ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và xử lý, khắc phục hậu quả bão, áp thấp nhiệt đới tại đơn vị, địa phương mình; đánh giá, xác định thiệt hại ban đầu, đề xuất, kiến nghị (nếu có) báo cáo Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn

Trong khoảng thời gian từ 06 giờ đến 12 giờ sau khi bão, áp thấp nhiệt đới đi qua phải tổng hợp tình hình ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả bão, áp thấp nhiệt đới tại địa phương mình; đánh giá, xác định thiệt hại ban đầu, đề xuất, kiến nghị (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Mục 2

TÌNH HUỐNG TRIỀU CƯỜNG, MƯA LỚN, XẢ LŨ, SẠT LỎ, LỐC XOÁY, GIÔNG SÉT, ĐỘNG ĐẤT, SÓNG THẦN

Điều 14. Đối với triều cường, mưa lớn

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Khi mực nước tại trạm Phú An, sông Sài Gòn vượt mức báo động **cấp II (1,40m) trở lên**: thông báo cho các cơ quan thông tấn báo, đài để đưa tin cho nhân dân biết và chủ động phòng, tránh; đồng thời, thông báo tình hình triều cường và yêu cầu các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố và quận - huyện thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó và chủ động triển khai thực hiện phương châm “04 tại chỗ”, “03 sẵn sàng”; theo dõi diễn biến tình hình triều cường, phối hợp các địa phương, đơn vị kiểm tra thực địa các tuyến bờ bao xung yếu để yêu cầu các quận - huyện chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư ứng cứu, khắc phục ngay nếu xảy ra sự cố.

b) Khi có dự báo mưa to (từ 51 đến 100 mm) đến mưa rất to (trên 100 mm) kết hợp triều cường: phối hợp với Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước

thành phố xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó hoặc tổ chức di dời. Cập nhật tình hình ngập úng, đề xuất phương án xử lý, ứng phó tình trạng ngập úng do triều cường, mưa lớn gây ra.

c) Chủ động và thường xuyên liên hệ với các quận - huyện trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình ngập úng do tràn bờ bao, bể bờ bao, mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống nhân dân trong khu vực; yêu cầu các quận - huyện, đơn vị báo cáo bằng văn bản để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan Trung ương theo quy định.

d) Tổng hợp báo cáo nhanh cho Ủy ban nhân dân thành phố tình hình triều cường, mưa lớn 01 lần/ngày, trong trường hợp triều cường, mưa lớn diễn biến phức tạp, xảy ra trên diện rộng, báo cáo 02 lần/ngày.

đ) Khi kết thúc các đợt triều cường, mưa lớn, nếu có ảnh hưởng, thiệt hại phải tổng hợp báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố để tổng kết, đánh giá tình hình và đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng, tránh, ứng phó hiệu quả trong thời gian tới.

2. Các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện (đặc biệt là các quận - huyện trọng điểm: quận Thủ Đức, quận 12, quận Bình Thạnh, huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Củ Chi), căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tình hình ảnh hưởng của triều cường, mưa lớn

Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, thường xuyên theo dõi bản tin dự báo diễn biến thủy triều 05 ngày, lượng mưa của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ và liên hệ với các phường - xã - thị trấn trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình, sự cố ngập úng do tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống nhân dân trong khu vực.

Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thoát nước đô thị và Ủy ban nhân dân các quận - huyện báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, mức độ, khu vực bị ảnh hưởng, thiệt hại) cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của triều cường, mưa lớn

Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện thông báo rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, kênh, rạch, vùng trũng thấp. Thường xuyên liên hệ với các khu phố - ấp, tổ dân phố trọng điểm để nắm chắc diễn biến của triều cường, mưa lớn, tình hình, sự cố ngập úng cục bộ hoặc do tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống của nhân dân; thực hiện hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” và nguyên tắc “3 sẵn sàng”. Báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, khu vực bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại) cho Ủy ban nhân dân quận - huyện 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

Điều 15. Đối với xả lũ

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Khi nhận được thông báo xả lũ của hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An phải thông báo cho các cơ quan thông tấn báo, đài để đưa tin cho nhân dân biết nhằm chủ động phòng, tránh; đồng thời, thông báo cho Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Chi cục Thủy sản, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ Thủy lợi, Sở Giao thông vận tải, Khu Quản lý Đường thủy nội địa, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thoát nước đô thị và các quận - huyện liên quan, cụ thể:

- Xả lũ của hồ Dầu Tiếng: thông báo, cảnh báo cho huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, quận 12, quận Gò Vấp, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, quận 02, quận 4, quận 7 và huyện Nhà Bè.

- Xả lũ của hồ Trị An: thông báo, cảnh báo cho quận 02, quận 7, quận 9, quận Thủ Đức và huyện Nhà Bè.

b) Trong trường hợp lưu lượng xả lũ lớn (hồ Dầu Tiếng xả tràn trên 200 m³/s, hồ Trị An xả tràn trên 2.000 m³/s), ban hành văn bản yêu cầu các đơn vị, địa phương thực hiện biện pháp ứng phó với xả lũ.

c) Thường xuyên liên hệ với các địa phương, đơn vị liên quan để nắm diễn biến, tình hình ảnh hưởng của xả lũ. Đồng thời, liên hệ với các đơn vị quản lý hồ chứa để

nắm chắc tình hình xả lũ, kịp thời thông tin cho các địa phương, đơn vị; tùy theo tình hình thời tiết, thủy văn tại Thành phố (bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường, mưa lớn), ủy quyền cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố vận hành điều tiết lưu lượng xả tràn hợp lý, đặc biệt là đối với hồ Dầu Tiếng; trường hợp vượt thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết.

2. Ủy ban nhân dân quận - huyện, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thoát nước đô thị, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Khai thác dịch vụ Thủy lợi; các Sở, ban, ngành thành phố, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của xả lũ

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị sẵn sàng khắc phục thiệt hại do xả lũ gây ra, liên hệ thường xuyên với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và các quận - huyện, phường - xã - thị trấn trọng điểm để theo dõi diễn biến xả lũ và khắc phục kịp thời các sự cố do tràn bờ, bể bờ bao gây ra; thực hiện hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”.

b) Báo cáo sơ bộ tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, khu vực bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại) cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (ít nhất 01 lần/ngày); sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của xả lũ

a) Tiếp nhận các chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo rộng rãi đến các khu phố, ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân đang sinh sống tại các khu vực xung yếu, ven sông, kênh, rạch, vùng trũng thấp. Thường xuyên liên hệ với các khu phố - ấp, tổ dân phố trọng điểm để nắm tình hình ảnh hưởng do xả lũ, sự cố ngập úng cục bộ hoặc tràn, bể bờ bao; mức độ ảnh hưởng sản xuất, sinh hoạt và đời sống của nhân dân; thực hiện hiệu quả phương châm “4 tại chỗ” và “3 sẵn sàng”.

b) Báo cáo nhanh tình hình tràn bờ, bể bờ bao, ngập úng (vị trí, thời gian xảy ra sự cố, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại) cho Ủy ban nhân dân quận - huyện 01 lần/ngày. Sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

Điều 16. Đối với sạt lở, lốc xoáy, giông sét

1. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố)

a) Sau khi nắm thông tin xảy ra sự cố, **không quá 15 phút** phải thông báo đến bộ phận trực của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo đến các khu phố, ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là nhân dân trong các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở để tổ chức ứng phó.

b) Định kỳ báo cáo (ít nhất 01 lần/ngày) cho Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó và xử lý sự cố.

2. Ủy ban nhân dân quận - huyện (nơi xảy ra sự cố), các Sở, ngành, đơn vị thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ

a) Ngay khi nhận được tin xảy ra sự cố **không quá 15 phút**, bộ phận trực phải thông báo đến lãnh đạo Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố hoặc bộ phận trực ban (**số điện thoại: 38.297.598**); chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị sẵn sàng khắc phục thiệt hại do sạt lở, lốc xoáy, giông sét; đồng thời liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến tình hình và tổ chức khắc phục kịp thời các sự cố.

b) Báo cáo nhanh tình hình sự cố, thiệt hại và công tác xử lý, tổ chức khắc phục cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố (ít nhất 01 lần/ngày); sau đó, tổng hợp chi tiết và báo cáo cụ thể bằng văn bản (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

3. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Ngay khi nhận được thông tin sạt lở, lốc xoáy, giông sét từ các địa phương, đơn vị, **trong khoảng thời gian không quá 15 phút** bộ phận trực phải điện thoại báo cáo cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố; đồng thời liên lạc với các sở, ngành, đơn vị Thành phố chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để hỗ trợ ứng cứu địa phương khi có yêu cầu. Bố trí cán bộ đi thực địa hiện trường để đánh giá nguyên nhân và đôn đốc công tác tổ chức khắc

phục sự cố nhanh chóng, hiệu quả và an toàn.

b) Liên hệ, phối hợp các sở, ban, ngành, quận - huyện liên quan: tổng hợp tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 17. Đối với động đất, sóng thần

1. Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố

a) Khi nhận được tin động đất, tin cảnh báo sóng thần từ Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam bộ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan; bộ phận trực phải điện thoại báo cáo ngay cho Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố để kịp thời tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các biện pháp xử lý, ứng phó. Liên hệ ngay với Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố để đưa tin khẩn cấp trên các kênh, sóng truyền hình, phát thanh.

b) Tổng hợp tình hình thiệt hại, công tác ứng phó và khắc phục hậu quả động đất, sóng thần trên địa bàn Thành phố để báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố (cơ quan Thường trực Phòng và Khắc phục hậu quả động đất, sóng thần)

a) Tiếp nhận thông tin động đất, cảnh báo sóng thần; thực hiện Quy chế báo tin động đất, cảnh báo sóng thần trên địa bàn thành phố ban hành tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đến các Sở, ban, ngành thành phố, quận - huyện. Triển khai các Phương án phòng, tránh và ứng phó, khắc phục hậu quả các sự cố do động đất, sóng thần gây ra trên địa bàn Thành phố.

b) Tổng hợp chi tiết trong lĩnh vực tài nguyên môi trường (thống kê tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục) và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố.

3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của động đất, sóng thần

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị... sẵn sàng tổ chức di dời dân đảm bảo an toàn tuyệt đối; triển khai phương án chủ động sẵn sàng khắc phục thiệt hại do động đất, sóng thần; liên hệ thường xuyên với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời.

b) Tổng hợp chi tiết (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị) báo cáo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của động đất, sóng thần

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo kịp thời, rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân, các khu du lịch, trường học, bệnh viện, các điểm có đông người tập trung trên địa bàn; đặc biệt là nhân dân sống ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi sóng thần, nhân dân sống trong các chung cư, nhà cao tầng, các chung cư xuống cấp có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi động đất, dư chấn động đất. Đồng thời, triển khai lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, tổ chức di dời dân đến nơi an toàn.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố động đất, sóng thần và các đề xuất, kiến nghị.

Mục 3

TÌNH HUỐNG SỰ CỐ TRÀN DẦU, CHÁY RỪNG, CHÁY - NỔ, TAI NẠN HÀNG NGÀY VÀ CÁC TAI NẠN, THẢM HỌA KHÁC

Điều 18. Đối với sự cố tràn dầu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Nắm thông tin sự cố tràn dầu, tổ chức triển khai Phương án ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn Thành phố.

b) Tổng hợp, thống kê tình hình thiệt hại, công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố tràn dầu và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện (nơi xảy ra sự cố), Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Công an thành phố, các Sở, ban, ngành thành phố liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Thành phố; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, trang thiết bị...; triển khai phương án chủ động sẵn sàng khắc phục thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra; liên hệ thường xuyên với Sở Tài nguyên và Môi trường và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời các sự cố tràn dầu.

b) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổng hợp chi tiết (vị trí, tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị) báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố)

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo kịp thời, rộng rãi đến các khu phố - ấp, tổ dân phố, người dân, các hộ nuôi trồng thủy sản, hộ sản xuất muối.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố tràn dầu và các đề xuất, kiến nghị.

Điều 19. Đối với sự cố cháy rừng

1. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố

a) Phối hợp với Bộ Tư lệnh thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng, các quận - huyện có rừng để thực hiện các phương án, kế hoạch chữa cháy rừng.

b) Tổng hợp, thống kê tình hình thiệt hại, công tác ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố cháy rừng và các đề xuất, kiến nghị báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng

Khi nhận được thông tin cháy rừng bộ phận trực phải điện thoại, báo cáo ngay cho Thường trực Ban Chỉ huy cấp thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố,

Bộ Tư lệnh thành phố và các Ủy ban nhân dân các quận - huyện nơi xảy ra sự cố để phối hợp xử lý; đồng thời bố trí cán bộ kết hợp các đơn vị, địa phương liên quan đi thực địa kiểm tra hiện trường để đánh giá nguyên nhân sự cố, tình hình thiệt hại, các biện pháp khắc phục.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy ra sự cố cháy rừng, các Sở, ngành, đơn vị thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy cấp thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; triển khai phương án ứng phó, khắc phục thiệt hại do cháy rừng gây ra; liên hệ thường xuyên với Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố và các phường - xã - thị trấn nơi xảy ra sự cố, theo dõi diễn biến và tổ chức khắc phục kịp thời sự cố cháy rừng.

b) Tổng hợp báo cáo cho Ban Chỉ huy cấp thành phố về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng (tình hình, mức độ thiệt hại, biện pháp khắc phục và các đề xuất, kiến nghị).

4. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố cháy rừng)

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện; thông báo đến các khu phố - ấp, tổ dân phố và nhân dân trên địa bàn có khả năng bị ảnh hưởng bởi cháy lây lan, thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, triển khai cứu hộ, cứu nạn, di dời dân, kiên quyết không để thiệt hại về tính mạng người dân.

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình tổ chức, triển khai công tác ứng phó, xử lý sự cố cháy rừng của địa phương mình.

Điều 20. Đối với sự cố cháy - nổ, tai nạn hàng ngày

1. Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố

a) Tiếp nhận các thông tin về sự cố cháy - nổ, sự cố tai nạn hàng ngày xảy ra, triển khai công tác chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Tổng hợp, báo cáo nhanh khi xảy ra sự cố cháy-nổ, sự cố tai nạn hàng ngày có ảnh hưởng lớn về nhân mạng; đồng thời định kỳ (01 tháng/lần) báo cáo kết quả tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Bộ Tư lệnh thành phố

Phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố, Công an thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị liên quan để hỗ trợ công tác khắc

phục sự cố cháy-nổ và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã - thị trấn (nơi xảy ra sự cố)

- Phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố và các đơn vị liên quan để thực hiện công tác chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Báo cáo nhanh khi xảy ra sự cố cháy-nổ, sự cố tai nạn hàng ngày có ảnh hưởng lớn về nhân mạng; đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả xử lý, khắc phục cho cơ quan cấp trên trực tiếp.

Điều 21. Đối với sự cố tai nạn, thảm họa khác

1. Các đơn vị lực lượng vũ trang

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị triển khai ứng phó tình trạng khẩn cấp của lực lượng vũ trang theo từng tình huống tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại, các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố tiếp nhận thông tin báo nạn qua tổng đài 114, thông báo kịp thời cho Ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ngành, đơn vị, quận - huyện liên quan để phối hợp triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

2. Ủy ban nhân dân quận - huyện, các Sở, ngành thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và tình hình ảnh hưởng của tai nạn, thảm họa

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy thành phố để triển khai ứng phó sự cố tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn, căn cứ vào tình hình ảnh hưởng của tai nạn, thảm họa

a) Tiếp nhận các thông báo, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận - huyện để triển khai ứng phó sự cố tai nạn, thảm họa.

b) Tổng hợp, báo cáo tình hình thiệt hại và các biện pháp khắc phục, đề xuất, kiến nghị cho Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC TRỰC

Điều 22. Chế độ họp

1. Các đơn vị, địa phương đảm bảo chế độ họp định kỳ (01 năm/01 lần) tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong năm và triển khai kế hoạch năm tiếp theo để thảo luận, đánh giá tình hình và quyết định chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Trong trường hợp khẩn cấp sẽ tổ chức họp bất thường do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các ngành, các cấp quyết định triệu tập.

Điều 23. Chế độ bồi dưỡng trực và nguồn kinh phí

1. Người lao động làm nhiệm vụ trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (tại trụ sở và tại hiện trường) thực hiện làm đêm, làm thêm giờ trong trường hợp đặc biệt được quy định tại Điều 107 của Bộ Luật lao động.

2. Người lao động được trả lương làm thêm giờ vào ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ và làm thêm giờ vào ban đêm theo quy định tại Điều 97, Điều 105 của Bộ Luật lao động và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Nguồn kinh phí

Hàng năm, các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí để phục vụ công tác trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Kinh phí cho chế độ thường trực và bảo đảm ăn, nghỉ tại chỗ cho người lao động được tính vào ngân sách chi hoạt động thường xuyên của đơn vị, địa phương hoặc các nguồn ngân sách hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã - thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc; các cơ quan, đơn

vị, địa phương gửi văn bản đề nghị về Cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 25. Các Sở, ngành, đơn vị thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện căn cứ Quy chế này để xây dựng Quy chế trực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị, địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3150/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố nhóm thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5998/TTr-STP-VP ngày 28 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 nhóm thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế theo Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Trưởng Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG TRONG LĨNH VỰC
HỘ TỊCH, ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ VÀ BẢO HIỂM Y TẾ THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 42/2016/QĐ-UBND**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế	
1	Thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
2	Thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
3	Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG

Thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

Lĩnh vực Hộ tịch, đăng ký thường trú và bảo hiểm y tế

1. Thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người có yêu cầu thực hiện thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tiếp nhận hồ sơ, viết giấy biên nhận;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

- Bước 3:

+ Giải quyết đăng ký khai sinh: Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm:

• Chuyên thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện thông qua mạng điện tử:

họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu;

• Lập hồ sơ đăng ký thường trú cho trẻ em và chuyển hồ sơ đăng ký thường trú cho Công an quận, huyện.

+ Giải quyết đăng ký thường trú: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thường trú do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Công an quận, huyện kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ, lệ phí đầy đủ, đúng quy định, Công an quận, huyện thực hiện đăng ký thường trú cho trẻ em và trả kết quả đăng ký thường trú cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để trả cho người dân. Người được giao chuyển hồ sơ của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm kiểm tra các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Công an quận, huyện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn biết để hoàn thiện hồ sơ và gửi lại cho Công an quận, huyện để đăng ký thường trú cho trẻ em.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì Công an quận, huyện có văn bản trả lời kèm theo hồ sơ và lệ phí trả lại cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để xử lý theo quy định;

+ Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Bảo hiểm xã hội quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra thông tin và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Khi đến nhận kết quả cấp thẻ bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển hồ sơ giấy cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện gồm: Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, văn bản đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn;

* Trong trường hợp trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo cần phải điều trị tại cơ sở y tế, có xác nhận của Cơ sở y tế điều trị, việc đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ được thực hiện theo thủ tục rút gọn như sau:

• Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn cấp Giấy khai sinh, đồng thời chuyển thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế qua mạng điện tử cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện ngay trong ngày nhận hồ sơ;

• Ngay sau khi tiếp nhận thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội quận, huyện giải quyết cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ trong 01 ngày làm việc và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn;

• Việc giải quyết hồ sơ đăng ký thường trú được thực hiện như Quy trình thông thường.

- Bước 4:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế, Hộ khẩu.

+ Trường hợp thực hiện theo thủ tục rút gọn thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận kết quả: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế.

b) Cách thức thực hiện: Người có yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trực tiếp thực hiện thủ tục hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy chứng sinh. Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

+ Trong trường hợp trẻ sinh ra do mang thai hộ thì nộp Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai;

+ Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc đăng ký khai sinh;

+ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu);

+ Bản chính Sổ hộ khẩu. Trường hợp trẻ em không đăng ký thường trú cùng cha, mẹ mà đăng ký thường trú cùng với người khác thì phải có ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; ý kiến đồng ý của chủ hộ và Sổ hộ khẩu của chủ hộ;

+ Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế (theo mẫu).

* Giấy tờ phải xuất trình:

- + Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh;
- + Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp giải quyết hồ sơ theo thủ tục rút gọn thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Công an quận, huyện và Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế, Hộ khẩu hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Miễn lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được chỉnh lý, bổ sung theo Công văn số 1288/HTQTCT-HT ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực - Bộ Tư pháp;

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu theo mẫu HK02 quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú;

- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế theo mẫu TK1-TS quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan thực hiện thủ tục liên thông phải cùng thuộc địa bàn một quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

I) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2007);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014);
- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2009);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015);
- Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 08 năm 2018);
- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú (có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2014);
- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015);
- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2016);
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017);
- Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thực hiện liên thông thủ tục hành chính về

đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**Kính gửi: ⁽¹⁾**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**Giấy tờ tùy thân: ⁽²⁾Nơi cư trú: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:.....

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: ⁽³⁾**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: ⁽³⁾

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày..... tháng..... năm

Người yêu cầu*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị thực hiện việc đăng ký khai sinh
- (2) Ghi rõ thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký (ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế)

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014.

- (3) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo địa chỉ đang sinh sống.

- (4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa danh hành chính

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

... .., ngày... tháng... năm...

Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ ⁽³⁾

(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)

... .., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):.....

... .., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG CÔNG AN:.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1)Viết chữ in hoa đủ dấu

(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...

(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.

(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.

Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II.

Mẫu TK1-TS

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 595/QĐ-BHXH
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)***BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỜ KHAI****THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ**

Kính gửi:

I. Phần kê khai bắt buộc

[01]. Họ và tên (viết chữ in hoa):

[02]. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... [03]. Giới tính:

[04]. Quốc tịch [05]. Dân tộc:

[06]. Nơi đăng ký giấy khai sinh: [06.1]. Xã (phường, thị trấn):

[06.2]. Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):[06.3]. Tỉnh (Tp):

[07]. Địa chỉ nhận hồ sơ: [07.1]. Số nhà, đường phố, thôn xóm:

[07.2]. Xã (phường, thị trấn):

[07.3] Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):

[07.4]. Tỉnh (Tp):

[08]. Họ tên cha/ mẹ/ người giám hộ (*đối với trẻ em dưới 6 tuổi*):**II. Phần kê khai chung**

[09]. Mã số BHXH (đã cấp): [09.1]. Số điện thoại liên hệ:

[09.2]. Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước:

[10]. Mã số hộ gia đình (đã cấp):

(trường hợp chưa có mã hộ gia đình thì kê khai bổ sung Phụ lục đính kèm tờ khai)

[11]. Mức tiền đóng: [12]. Phương thức đóng:

[13]. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu:

[14]. Nội dung thay đổi, yêu cầu:

[15]. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ

(chỉ áp dụng đối với người lao động thay đổi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những
họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng

nội dung đã kê khai

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục: Thành viên hộ gia đình

Họ và tên chủ hộ:Số điện thoại (nếu có):.....;
Số sổ hộ khẩu (hoặc sổ tạm trú):..... Địa chỉ: Thôn (bản, tổ dân phố)
Xã (phường, thị trấn) Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):
Tỉnh (Tp):

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi cấp giấy khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
4								
...								

(Ghi chú: Người kê khai có thể tra cứu Mã số BHXH và Mã hộ gia đình tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn>)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP**Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
(Mẫu TK1-TS)**

a) Mục đích:

- Kê khai các thông tin người tham gia BHXH, BHYT, BHTN và thành viên Hộ gia đình khi không có mã số BHXH.

- Kê khai khi có yêu cầu điều chỉnh thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN như: nhân thân, chức danh nghề, phương thức đóng, nơi đăng ký KCB ban đầu ...

b) Trách nhiệm lập:

- Người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

- Cha/mẹ/người giám hộ (đối với Trẻ em dưới 6 tuổi).

c) Thời gian lập:

- Đối với người lao động cùng tham gia BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN; người chỉ tham gia BHXH bắt buộc; người tham gia BHXH tự nguyện: Khi tham gia khi chưa được cấp mã số BHXH hoặc điều chỉnh thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

- Đối với người chỉ tham gia BHYT:

+ Trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ BHYT;

+ Người tham gia khi có điều chỉnh thông tin; người tham gia chưa được cấp mã số BHXH.

d) Phương pháp lập:

[01]. Họ và tên: ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên bằng chữ in hoa có dấu của người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN

[02]. Ngày tháng năm sinh: ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

[03]. Giới tính: ghi giới tính của người tham gia (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

[04]. Quốc tịch: ghi như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

[05]. Dân tộc: ghi như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu,

thẻ căn cước.

[06]. Nơi đăng ký Giấy khai sinh: ghi rõ tên xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh, thành phố đã đăng ký giấy khai sinh.

Trường hợp chưa xác định được nơi cấp giấy khai sinh lần đầu thì ghi nguyên quán (trường hợp sát nhập, chia tách địa giới hành chính thì ghi theo tên địa danh tại thời điểm kê khai) hoặc ghi theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.

[07]. Địa chỉ nhận hồ sơ: ghi đầy đủ địa chỉ nơi đang sinh sống để cơ quan BHXH gửi trả sổ BHXH, thẻ BHYT hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác: số nhà, đường phố, thôn xóm; xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh, thành phố.

[08]. Họ tên cha hoặc mẹ, hoặc người giám hộ (áp dụng đối với trẻ em dưới 6 tuổi): Ghi họ tên cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ.

[09]. Mã số BHXH: ghi mã số BHXH đã được cơ quan BHXH đã cấp (chỉ áp dụng đối với trường hợp đã được cấp mã số BHXH khi điều chỉnh thông tin); trường hợp không nhớ mã số BHXH thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXH tại Bureau văn hóa xã hoặc địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> hoặc phối hợp với Cơ quan BHXH hoặc Đơn vị sử dụng lao động, UBND xã, Đại lý thu/nhà trường, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội và cơ quan quản lý đối tượng để xác định mã số BHXH.

Trường hợp không xác định được mã số BHXH mà có sổ BHXH hoặc sổ thẻ BHYT thì ghi sổ BHXH hoặc sổ thẻ BHYT.

Trường hợp xác định được mã số BHXH nhưng khác sổ BHXH thì ghi mã số BHXH vào chỉ tiêu này và ghi bổ sung sổ BHXH vào chỉ tiêu [14].

[09.1]. Số điện thoại liên hệ: ghi số điện thoại liên hệ (nếu có).

[09.2]. Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước: ghi số chứng minh nhân dân hoặc ghi số hộ chiếu hoặc ghi số Thẻ căn cước.

[10]. Mã hộ gia đình: ghi mã hộ gia đình đã được cơ quan BHXH đã cấp (chỉ áp dụng đối với trường hợp đã được cấp mã số BHXH khi điều chỉnh thông tin); trường hợp không nhớ mã số BHXH thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXH tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> hoặc phối hợp với Cơ quan BHXH hoặc Đơn vị sử dụng lao động, UBND xã, Đại lý thu/nhà trường, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng,

điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội và cơ quan quản lý đối tượng để xác định mã hộ gia đình.

[11]. Mức tiền đóng (áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện): ghi mức thu nhập tháng do người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn.

[12]. Phương thức đóng (áp dụng đối với người đi lao động ở nước ngoài, người tham gia BHXH tự nguyện): ghi cụ thể phương thức đóng là 03 tháng hoặc 06 tháng hoặc 12 tháng ...

[13]. Nơi đăng ký KCB ban đầu: ghi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu (danh sách đăng ký nơi KCB ban đầu được cơ quan BHXH thông báo hằng năm gửi cho đơn vị, UBND xã, đại lý thu).

[14]. Nội dung thay đổi, yêu cầu: ghi nội dung yêu cầu thay đổi như: họ tên, ngày tháng năm sinh, các thông tin liên quan đến chức danh, nghề nghiệp, công việc, phương thức đóng, nơi đăng ký KCB ban đầu ...

[15]. Hồ sơ kèm theo:

- Đối với người điều chỉnh thông tin, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

- Đối với người tham gia được hưởng quyền lợi BHYT cao hơn, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

Sau khi hoàn tất việc kê khai, người tham gia ký ghi rõ họ tên. Trường hợp kê khai thay đổi về nhân thân (họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh, giới tính) đã ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT thì phải có xác nhận của đơn vị nơi người lao động đang làm việc. Đối với người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH thì không phải xác nhận.

Phụ lục: Thành viên hộ gia đình

a) Mục đích: Kê khai đầy đủ, chính xác thông tin toàn bộ thành viên hộ gia đình trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người tham gia.

b) Trách nhiệm lập:

- Người tham gia hoặc chủ hộ hoặc người đại diện hộ gia đình.

- Cha/mẹ/người giám hộ (đối với Trẻ em dưới 6 tuổi).

c) Thời gian lập: khi người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN chưa được cấp mã số BHXH.

d) Căn cứ lập: sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú, giấy tờ liên quan đến tham gia

BHXX, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN;

đ) Phương pháp lập:

* Phần thông tin chung: ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ; ghi số sổ hộ khẩu (hoặc số sổ tạm trú); số điện thoại liên hệ (nếu có); ghi rõ địa chỉ: thôn (bản, tổ dân phố); xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố).

Trường hợp hộ gia đình chỉ có giấy tạm trú thì vẫn thực hiện kê khai nhưng ghi rõ cụm từ “giấy tạm trú” vào cột ghi chú.

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ 1 đến hết các thành viên trong hộ gia đình.

- Cột B: ghi đầy đủ họ và tên của từng người trong sổ hộ khẩu (trừ những người tạm vắng) hoặc sổ tạm trú (bao gồm chủ hộ và các thành viên trong hộ).

- Cột 1: ghi mã số BHXX đối với từng thành viên hộ gia đình đã được cơ quan BHXX cấp; trường hợp chưa xác định được mã số BHXX thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXX tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> (nếu đủ điều kiện).

- Cột 2: ghi ngày, tháng, năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

- Cột 3: ghi giới tính của các thành viên trong hộ (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

- Cột 4: ghi rõ tên xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh, thành phố đã cấp giấy khai sinh.

Trường hợp chưa xác định được nơi cấp giấy khai sinh thì ghi nguyên quán (trường hợp sát nhập, chia tách địa giới hành chính thì ghi theo tên địa danh tại thời điểm kê khai) hoặc ghi theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.

- Cột 5: ghi mối quan hệ với chủ hộ (là vợ, chồng, con, cháu...).

- Cột 6: Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước (nếu có): ghi số chứng minh nhân dân hoặc ghi số hộ chiếu hoặc ghi số Thẻ căn cước.

- Cột 7: ghi những nội dung cần ghi chú.

Sau khi hoàn tất việc kê khai, người kê khai ký ghi rõ họ tên.

2. Thủ tục liên thông đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người có yêu cầu đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tiếp nhận hồ sơ, viết giấy biên nhận;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

- Bước 3:

+Thực hiện đăng ký khai sinh: Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy khai sinh, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển thông tin đến Bảo hiểm xã hội quận, huyện thông qua mạng điện tử: họ và tên trẻ em; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; địa chỉ thường trú của trẻ em; họ tên mẹ hoặc cha hoặc người nuôi dưỡng; nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu;

+ Thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế: Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày

tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Bảo hiểm xã hội quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra thông tin và cấp thẻ bảo hiểm y tế. Khi đến nhận kết quả cấp thẻ bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm chuyển hồ sơ giấy cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện gồm: Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, văn bản đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn;

+ Trong trường hợp trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo cần phải điều trị tại cơ sở y tế, có xác nhận của Cơ sở y tế điều trị, việc đăng ký khai sinh và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ được thực hiện theo thủ tục rút gọn như sau:

• Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn cấp Giấy khai sinh, đồng thời chuyển thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế qua mạng điện tử cho Bảo hiểm xã hội quận, huyện ngay trong ngày nhận hồ sơ;

• Ngay sau khi tiếp nhận thông tin cấp thẻ bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội quận, huyện giải quyết cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ trong 01 ngày làm việc và chuyển giao cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc (trường hợp bình thường) và 02 ngày làm việc (đối với trường hợp giải quyết theo thủ tục rút gọn), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế.

b) Cách thức thực hiện: Người có yêu cầu đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy chứng sinh. Trong trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;

+ Trong trường hợp trẻ sinh ra do mang thai hộ thì nộp Văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai;

+ Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc đăng ký khai sinh;

+ Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế (theo mẫu).

* Giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai sinh;

+ Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn);

+ Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của cha, mẹ trẻ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 06 ngày làm việc (trường hợp bình thường) và 02 ngày làm việc (đối với trường hợp giải quyết theo thủ tục rút gọn), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Bảo hiểm xã hội quận, huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy khai sinh, Thẻ bảo hiểm y tế hoặc văn bản từ chối, có nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Miễn lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được chỉnh lý, bổ sung theo Công văn số 1288/HTQTCT-HT ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực - Bộ Tư pháp;

- Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế theo mẫu TK1-TS quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan thực hiện thủ tục liên thông phải cùng thuộc địa bàn một quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008(có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2009);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015);

- Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 08 năm 2018);

- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015);

- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2016);

- Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017);

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có

hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**Kính gửi: ⁽¹⁾**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**Giấy tờ tùy thân: ⁽²⁾Nơi cư trú: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ghi bằng chữ:.....

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Quê quán:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: ⁽³⁾**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh:..... Dân tộc: Quốc tịch:.....

Nơi cư trú: ⁽³⁾

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày..... tháng..... năm

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị thực hiện việc đăng ký khai sinh

(2) Ghi rõ thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký (ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế)

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014.

(3) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo địa chỉ đang sinh sống.

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa danh hành chính

Ví dụ: - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội

- Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

Ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu TK1-TS

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 595/QĐ-BHXH
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)***BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ**

Kính gửi:

I. Phần kê khai bắt buộc

[01]. Họ và tên (viết chữ in hoa):

[02]. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... [03]. Giới tính:

[04]. Quốc tịch [05]. Dân tộc:

[06]. Nơi đăng ký giấy khai sinh: [06.1]. Xã (phường, thị trấn):

[06.2]. Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):[06.3]. Tỉnh (Tp):

[07]. Địa chỉ nhận hồ sơ: [07.1]. Số nhà, đường phố, thôn xóm:

[07.2]. Xã (phường, thị trấn):

[07.3] Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):

[07.4]. Tỉnh (Tp):

[08]. Họ tên cha/ mẹ/ người giám hộ (*đối với trẻ em dưới 6 tuổi*):**II. Phần kê khai chung**

[09]. Mã số BHXH (đã cấp): [09.1]. Số điện thoại liên hệ:

[09.2]. Số CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước:

[10]. Mã số hộ gia đình (đã cấp):

(trường hợp chưa có mã hộ gia đình thì kê khai bổ sung Phụ lục đính kèm tờ khai)

[11]. Mức tiền đóng: [12]. Phương thức đóng:

[13]. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu:

[14]. Nội dung thay đổi, yêu cầu:

[15]. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng
(*chỉ áp dụng đối với người lao động thay đổi* và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những
họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh) nội dung đã kê khai

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục: Thành viên hộ gia đình

Họ và tên chủ hộ:Số điện thoại (nếu có):.....;
Số sổ hộ khẩu (hoặc sổ tạm trú):..... Địa chỉ: Thôn (bản, tổ dân phố)
Xã (phường, thị trấn) Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):
Tỉnh (Tp):

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi cấp giấy khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
4								
...								

(Ghi chú: Người kê khai có thể tra cứu Mã số BHXH và Mã hộ gia đình tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn>)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai

....., ngày tháng năm

Người kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN LẬP**Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
(Mẫu TK1-TS)**

a) Mục đích:

- Kê khai các thông tin người tham gia BHXH, BHYT, BHTN và thành viên Hộ gia đình khi không có mã số BHXH.

- Kê khai khi có yêu cầu điều chỉnh thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN như: nhân thân, chức danh nghề, phương thức đóng, nơi đăng ký KCB ban đầu ...

b) Trách nhiệm lập:

- Người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

- Cha/mẹ/người giám hộ (đối với Trẻ em dưới 6 tuổi).

c) Thời gian lập:

- Đối với người lao động cùng tham gia BHXH, BHYT, BHTNLĐ-BNN; người chỉ tham gia BHXH bắt buộc; người tham gia BHXH tự nguyện: Khi tham gia khi chưa được cấp mã số BHXH hoặc điều chỉnh thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN.

- Đối với người chỉ tham gia BHYT:

+ Trẻ em dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ BHYT;

+ Người tham gia khi có điều chỉnh thông tin; người tham gia chưa được cấp mã số BHXH.

d) Phương pháp lập:

[01]. Họ và tên: ghi đầy đủ họ, chữ đệm và tên bằng chữ in hoa có dấu của người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN

[02]. Ngày tháng năm sinh: ghi đầy đủ ngày tháng năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

[03]. Giới tính: ghi giới tính của người tham gia (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

[04]. Quốc tịch: ghi như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

[05]. Dân tộc: ghi như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu,

thẻ căn cước.

[06]. Nơi đăng ký Giấy khai sinh: ghi rõ tên xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh, thành phố đã đăng ký giấy khai sinh.

Trường hợp chưa xác định được nơi cấp giấy khai sinh lần đầu thì ghi nguyên quán (trường hợp sát nhập, chia tách địa giới hành chính thì ghi theo tên địa danh tại thời điểm kê khai) hoặc ghi theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.

[07]. Địa chỉ nhận hồ sơ: ghi đầy đủ địa chỉ nơi đang sinh sống để cơ quan BHXH gửi trả sổ BHXH, thẻ BHYT hoặc kết quả giải quyết thủ tục hành chính khác: số nhà, đường phố, thôn xóm; xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh, thành phố.

[08]. Họ tên cha hoặc mẹ, hoặc người giám hộ (áp dụng đối với trẻ em dưới 6 tuổi): Ghi họ tên cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ.

[09]. Mã số BHXH: ghi mã số BHXH đã được cơ quan BHXH đã cấp (chỉ áp dụng đối với trường hợp đã được cấp mã số BHXH khi điều chỉnh thông tin); trường hợp không nhớ mã số BHXH thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXH tại Bureau văn hóa xã hoặc địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> hoặc phối hợp với Cơ quan BHXH hoặc Đơn vị sử dụng lao động, UBND xã, Đại lý thu/nhà trường, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội và cơ quan quản lý đối tượng để xác định mã số BHXH.

Trường hợp không xác định được mã số BHXH mà có sổ BHXH hoặc sổ thẻ BHYT thì ghi số sổ BHXH hoặc số thẻ BHYT.

Trường hợp xác định được mã số BHXH nhưng khác số sổ BHXH thì ghi mã số BHXH vào chỉ tiêu này và ghi bổ sung số sổ BHXH vào chỉ tiêu [14].

[09.1]. Số điện thoại liên hệ: ghi số điện thoại liên hệ (nếu có).

[09.2]. Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước: ghi số chứng minh nhân dân hoặc ghi số hộ chiếu hoặc ghi số Thẻ căn cước.

[10]. Mã hộ gia đình: ghi mã hộ gia đình đã được cơ quan BHXH đã cấp (chỉ áp dụng đối với trường hợp đã được cấp mã số BHXH khi điều chỉnh thông tin); trường hợp không nhớ mã số BHXH thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXH tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> hoặc phối hợp với Cơ quan BHXH hoặc Đơn vị sử dụng lao động, UBND xã, Đại lý thu/nhà trường, Cơ sở trợ giúp xã hội, Cơ sở nuôi dưỡng,

điều dưỡng thương binh và người có công; Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội và cơ quan quản lý đối tượng để xác định mã hộ gia đình.

[11]. Mức tiền đóng (áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện): ghi mức thu nhập tháng do người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn.

[12]. Phương thức đóng (áp dụng đối với người đi lao động ở nước ngoài, người tham gia BHXH tự nguyện): ghi cụ thể phương thức đóng là 03 tháng hoặc 06 tháng hoặc 12 tháng ...

[13]. Nơi đăng ký KCB ban đầu: ghi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu (danh sách đăng ký nơi KCB ban đầu được cơ quan BHXH thông báo hằng năm gửi cho đơn vị, UBND xã, đại lý thu).

[14]. Nội dung thay đổi, yêu cầu: ghi nội dung yêu cầu thay đổi như: họ tên, ngày tháng năm sinh, các thông tin liên quan đến chức danh, nghề nghiệp, công việc, phương thức đóng, nơi đăng ký KCB ban đầu ...

[15]. Hồ sơ kèm theo:

- Đối với người điều chỉnh thông tin, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

- Đối với người tham gia được hưởng quyền lợi BHYT cao hơn, ghi các loại giấy tờ chứng minh.

Sau khi hoàn tất việc kê khai, người tham gia ký ghi rõ họ tên. Trường hợp kê khai thay đổi về nhân thân (họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh, giới tính) đã ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT thì phải có xác nhận của đơn vị nơi người lao động đang làm việc. Đối với người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH thì không phải xác nhận.

Phụ lục: Thành viên hộ gia đình

a) Mục đích: Kê khai đầy đủ, chính xác thông tin toàn bộ thành viên hộ gia đình trong sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người tham gia.

b) Trách nhiệm lập:

- Người tham gia hoặc chủ hộ hoặc người đại diện hộ gia đình.

- Cha/mẹ/người giám hộ (đối với Trẻ em dưới 6 tuổi).

c) Thời gian lập: khi người tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN chưa được cấp mã số BHXH.

d) Căn cứ lập: sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú, giấy tờ liên quan đến tham gia

BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN;

đ) Phương pháp lập:

* Phần thông tin chung: ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ; ghi số sổ hộ khẩu (hoặc số sổ tạm trú); số điện thoại liên hệ (nếu có); ghi rõ địa chỉ: thôn (bản, tổ dân phố); xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố).

Trường hợp hộ gia đình chỉ có giấy tạm trú thì vẫn thực hiện kê khai nhưng ghi rõ cụm từ “giấy tạm trú” vào cột ghi chú.

* Chỉ tiêu theo cột:

- Cột A: ghi số thứ tự từ 1 đến hết các thành viên trong hộ gia đình.

- Cột B: ghi đầy đủ họ và tên của từng người trong sổ hộ khẩu (trừ những người tạm vắng) hoặc sổ tạm trú (bao gồm chủ hộ và các thành viên trong hộ).

- Cột 1: ghi mã số BHXH đối với từng thành viên hộ gia đình đã được cơ quan BHXH cấp; trường hợp chưa xác định được mã số BHXH thì người kê khai có thể tra cứu mã số BHXH tại địa chỉ: <http://baohiemxahoi.gov.vn> (nếu đủ điều kiện).

- Cột 2: ghi ngày, tháng, năm sinh như trong giấy khai sinh hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước.

- Cột 3: ghi giới tính của các thành viên trong hộ (nếu là nam thì ghi từ “nam” hoặc nếu là nữ thì ghi từ “nữ”).

- Cột 4: ghi rõ tên xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh, thành phố đã cấp giấy khai sinh.

Trường hợp chưa xác định được nơi cấp giấy khai sinh thì ghi nguyên quán (trường hợp sát nhập, chia tách địa giới hành chính thì ghi theo tên địa danh tại thời điểm kê khai) hoặc ghi theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú.

- Cột 5: ghi mối quan hệ với chủ hộ (là vợ, chồng, con, cháu...).

- Cột 6: Số chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước (nếu có): ghi số chứng minh nhân dân hoặc ghi số hộ chiếu hoặc ghi số Thẻ căn cước.

- Cột 7: ghi những nội dung cần ghi chú.

Sau khi hoàn tất việc kê khai, người kê khai ký ghi rõ họ tên.

3. Thủ tục liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người có yêu cầu đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tiếp nhận hồ sơ, viết giấy biên nhận;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ những loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký và ghi rõ họ, tên người tiếp nhận hồ sơ;

+ Trong trường hợp hồ sơ không được bổ sung, hoàn thiện theo hướng dẫn thì người tiếp nhận hồ sơ từ chối tiếp nhận hồ sơ. Việc từ chối tiếp nhận hồ sơ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do từ chối, người tiếp nhận ký và ghi rõ họ tên.

- Bước 3:

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đăng ký khai tử ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cấp trích lục khai tử, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xóa đăng ký thường trú đối với người đã chết gồm Phiếu báo thay đổi nhân khẩu, hộ khẩu, Sổ hộ khẩu bản chính, bản sao trích lục khai tử và chuyển hồ sơ cho Công an quận, huyện;

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ xóa đăng ký thường trú do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chuyển đến, Công an quận, huyện kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, Công an quận, huyện thực hiện xóa đăng ký thường trú cho người chết và trả

kết quả cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để trả cho người dân. Người được giao chuyên hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin được ghi trong sổ hộ khẩu và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu;

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, Công an quận, huyện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn biết để hoàn thiện hồ sơ và gửi lại cho Công an quận, huyện để xóa đăng ký thường trú cho người chết.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, người nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi đã nộp hồ sơ để nhận Trích lục khai tử (bản chính) và Hộ khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Người có yêu cầu đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai đăng ký khai tử (theo mẫu);

+ Bản chính Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay cho Giấy báo tử theo quy định;

+ Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử;

+ Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu);

+ Bản chính Sổ hộ khẩu có đăng ký thường trú của người chết.

* Giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký khai tử.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; Công an quận, huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Trích lục khai tử (bản chính) và Hộ

khẩu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Miễn lệ phí.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

- Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu theo mẫu HK02 quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các cơ quan thực hiện thủ tục liên thông phải cùng thuộc địa bàn một quận, huyện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2007);

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014);

- Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016);

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 08 năm 2018);

- Thông tư số 36/2014/TT-BCA ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công an quy định về biểu mẫu sử dụng trong đăng ký, quản lý cư trú (có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2014);

- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 15 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2015);

- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2016);

- Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế thực hiện liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Nghị quyết số 124/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố về các loại phí và lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức thu 10 loại phí và 7 loại lệ phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017);

- Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân ⁽³⁾

Quan hệ với người đã chết:

Đề nghị cơ quan đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú cuối cùng: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/ Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: ⁽⁴⁾ do

..... cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người yêu cầu
(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký khai tử.
- (2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.
- (3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).
- (4) Nếu ghi theo Giấy báo tử, thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay Giấy báo tử”; nếu ghi theo số Giấy tờ thay Giấy báo tử thì ghi rõ tên, số giấy tờ và gạch cụm từ “Giấy báo tử”.

... .., ngày... tháng... năm...

Ý KIẾN CỦA CHỦ HỘ ⁽³⁾

(Ghi rõ nội dung và ký, ghi rõ họ tên)

... .., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI VIẾT PHIẾU BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CÔNG AN (4):.....

... .., ngày... tháng... năm...

TRƯỞNG CÔNG AN:.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1)Viết chữ in hoa đủ dấu

(2) Ghi tóm tắt nội dung thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu. Ví dụ: đăng ký thường trú, tạm trú; thay đổi nơi đăng ký thường trú, tạm trú; tách sổ hộ khẩu; điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu ...

(3) Ghi rõ ý kiến của chủ hộ là đồng ý cho đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú hoặc đồng ý cho tách sổ hộ khẩu; chủ hộ ký và ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm.

(4) Áp dụng đối với trường hợp: Xác nhận việc công dân trước đây đã đăng ký thường trú và trường hợp cấp lại sổ hộ khẩu do bị mất.

Ghi chú: Trường hợp người viết phiếu báo cũng là người có thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu thì công dân chỉ cần kê khai những nội dung quy định tại mục II.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng